ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1384/QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 16 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự kỳ thi tuyển công chức năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuyển dụng công chức năm 2020;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tuyển công chức năm 2020 tại Tờ trình số 110/TTr-HĐTTCC ngày 11 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách 337 thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự kỳ thi tuyển công chức năm 2020 *(Danh sách kèm theo)*, cụ thể:

- Dự thi ngạch chuyên viên: 329 thí sinh;

- Dự thi ngạch cán sự: 08 thí sinh.

Điều 2. Hội đồng thi tuyển công chức năm 2020 có trách nhiệm niêm yết công khai danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự kỳ thi tuyển công chức năm 2020 trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi tuyển công chức năm 2020, Thủ trưởng các ngành có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (6b);
- LĐVP, P. NC;
- Lưu: VT, ntden.

CHỦ TỊCH

Phạm Vũ Hồng

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 16.06.2020 18:22:23 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1384 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
I. Sở Văn hóa và Thể thao															
1. Văn phòng Sở															
- Vị trí Hành chính tổng hợp: Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01															
1	Nguyễn Hàng Minh Tâm	1994		Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý thể dục thể thao (27/6/2017)	Thể thao giải trí	B (10/11/2015)	B (02/12/2015)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Văn hóa và Thể thao	
2	Bùi Thanh Sung	1996		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Giáo dục thể chất (14/01/2019)	Giáo dục thể chất	B (21/11/2016)	B (07/10/2016)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Văn hóa và Thể thao	
- Vị trí Công nghệ thông tin: Đăng ký 04 hồ sơ, cần tuyển 01															
1	Võ Nguyễn Huy Vũ	1992		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tin học (15/02/2016)	Khoa học máy tính	B (15/8/2013)	ĐH (15/02/2016)	01.003			Công nghệ thông tin	Sở Văn hóa và Thể thao	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Lê Thanh	Quyện	1984		Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (19/10/2010)	Công nghệ thông tin	B (23/7/2014)	ĐH (19/10/2010)	01.003			Công nghệ thông tin	Sở Văn hóa và Thể thao	
3	Nguyễn Nhật	Quang	1993		Thừa Thiên Huế	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (15/07/2019)	Tin học ứng dụng	B (12/12/2019)	ĐH (15/7/2019)	01.003			Công nghệ thông tin	Sở Văn hóa và Thể thao	
4	La Phụng	Anh		1994	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Hệ thống thông tin (24/4/2019)	Hệ thống thông tin	B1 (19/7/2019)	ĐH (24/4/2019)	01.003			Công nghệ thông tin	Sở Văn hóa và Thể thao	
2. Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình																
- Vị trí Quản lý về gia đình: Đăng ký 03 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lê Biển	Bồi	1995		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý văn hóa (28/02/2020)	Quản lý văn hóa	B1 (22/8/2019)	ƯDCNTTCB (27/12/2019)	01.003			Quản lý về gia đình	Sở Văn hóa và Thể thao	
2	Đỗ Thanh	Tuấn	1996		Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý văn hóa (18/12/2019)	Quản lý văn hóa	B (12/6/2019)	ƯDCNTTCB (08/6/2017)	01.003			Quản lý về gia đình	Sở Văn hóa và Thể thao	
3	Trịnh Hoàng	Hoa		1986	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý văn hóa (08/02/2017)	Quản lý văn hóa	B (28/7/2016)	A (09/11/2009)	01.003			Quản lý về gia đình	Sở Văn hóa và Thể thao	
II. Sở Ngoại vụ																
1. Phòng Hợp tác quốc tế																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
- Vị trí Phiên dịch kiêm lễ tân đối ngoại: Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Danh Mát Ca	Ra	1988		Châu Thành - Kiên Giang	Khmer	ĐH Khoa học xã hội ngành ngôn ngữ Khmer (11/11/2017)	Khoa học xã hội ngành ngôn ngữ Khmer	B1 (26/02/2018)	ƯDCNTTCB (27/4/2018)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)	X	Phiên dịch kiêm lễ tân đối ngoại	Sở Ngoại vụ	
2	Ngô Trọng	Lâm	1996		Rạch Giá - Kiên Giang	Khmer	ĐH Ngôn ngữ Khmer (12/7/2019)	Ngôn ngữ Khmer	B (11/9/2019)	ƯDCNTTCB (29/5/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Phiên dịch kiêm lễ tân đối ngoại	Sở Ngoại vụ	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
2. Phòng Lãnh sự																
- Vị trí Công tác lãnh sự: Đăng ký 32 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Đỗ Thúy	An		1993	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/8/2015)	Luật dân sự	B (18/8/2016)	A (11/4/2016)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
2	Nguyễn Đỗ Khang	Anh		1995	Thốt Nốt - Cần Thơ	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B (15/9/2015)	ƯDCNTTCB (05/02/2018)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
3	Danh Ngọc	Bình	1989		Châu Thành - Kiên Giang	Khmer	ĐH Luật hành chính (10/8/2015)	Luật hành chính	B1 (23/5/2019)	ƯDCNTTCB (25/7/2018)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
4	Nguyễn Thanh	Đa		1997	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (30/12/2019)	Luật kinh tế	B1 (16/9/2019)	ƯDCNTTCB (08/01/2020)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
5	Nguyễn Thị Yến	Duy		1988	Thoại Sơn - An Giang	Kinh	ĐH Luật (27/9/2018)	Luật	ĐHSP tiếng Anh (14/11/2014)	B (30/12/2013)	01.003		X	Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
6	Lưu Thị	Giang		1996	Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (30/10/2018)	Luật kinh tế	B (07/7/2016)	B (05/5/2017)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
7	Lý Như	Hảo		1998	Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (21/02/2020)	Luật	B Hoa (26/11/2019)	ƯDCNTTCB (22/02/2019)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
8	Nguyễn Thị Ánh	Hồng		1987	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/9/2017)	Luật	B1 (09/01/2020)	A (14/3/2006)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
9	Đặng Như	Quỳnh		1996	Phước Long - Bạc Liêu	Kinh	ĐH Luật (25/01/2019)	Luật hành chính	B (05/3/2019)	ƯDCNTTCB (22/01/2019)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
10	Phan Văn	Mão	1991		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (08/3/2018)	Luật kinh tế	B (23/4/2014)	A (15/01/2013)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
11	Trần Lê Hà	My		1993	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/8/2015)	Luật	B1 (24/3/2020)	A (12/11/2014)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	

STT		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
12	Lý Quách Như Ngọc		1996	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (08/8/2018)	Luật kinh tế	A2 (13/12/2017)	B (29/6/2016)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
13	Nguyễn Duy Khánh Nhật	1996		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật hành chính	B (17/7/2019)	ƯDCNTTCB (30/10/2019)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
14	Nguyễn Thị Tuyết Nhi		1994	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (18/12/2019)	Luật	B1 (22/8/2019)	A (14/4/2011)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
15	Trương Huỳnh Như		1994	U Minh Thượng - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B (23/8/2018)	ƯDCNTTCB (03/10/2017)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
16	Nguyễn Thị Huỳnh Như		1998	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật tư pháp	B (25/12/2019)	ƯDCNTTCB (10/01/2019)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
17	Trần Văn Sự	1982		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/5/2014)	Luật	B (24/7/2013)	B (04/10/2013)	01.003	Chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ trong lực lượng công an nhân dân		Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
18	Trần Dũng Thân	1994		Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (27/9/2017)	Luật	B (16/01/2015)	B (08/5/2014)	01.003	Chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ trong lực lượng công an nhân dân		Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
19	Trịnh Hữu Thành	1996		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (11/4/2019)	Luật	B1 (17/4/2017)	ƯDCNTTCB (30/8/2019)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	

STT			Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
20	Châu Thu Dạ	Thảo		1994	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (04/4/2017)	Luật	B (02/01/2014)	B (15/6/2015)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
21	Ngô Quang	Thiện	1992		Quảng Trị	Kinh	ĐH Luật (27/11/2018)	Luật	B (02/6/2011)	ĐH (24/7/2014)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
22	Võ Minh	Thư		1997	Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (06/8/2019)	Luật kinh tế	B1 (02/7/2019)	ƯDCNTTCB (08/10/2018)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
23	Đoàn Thị Cẩm	Thúy		1997	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật tư pháp	B1 (25/12/2019)	ƯDCNTTCB (23/9/2019)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
24	Khưu Thị Trâm	Thúy		1990	Thoại Sơn - An Giang	Kinh	ĐH Luật hành chính (20/3/2014)	Luật hành chính	B (02/7/2013)	B (02/9/2012)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
25	Lê Phương	Tính	1990		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (29/7/2019)	Luật	B (24/5/2016)	ƯDCNTTCB (09/11/2018)	01.003	Con thương binh hạng 4/4		Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
26	Trương Trọng	Tính	1995		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật	B1 (09/4/2019)	ƯDCNTTCB (26/8/2019)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
27	Lê Thị Minh	Tơ		1993	Vị Thanh - Hậu Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2015)	Luật thương mại	B (21/4/2014)	A (25/11/2013)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
28	Nguyễn Ngọc	Trâm		1996	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (06/8/2018)	Luật dân sự	Toeic 570 (09/6/2019)	ƯDCNTTCB (30/8/2017)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
29	Nguyễn Cửu	Trạng	1990		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/6/2013)	Luật thương mại	B (15/10/2012)	B (12/12/2012)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
30	Nguyễn Diễm	Trinh		1995	An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/02/2019)	Luật thương mại	B (26/12/2016)	ƯDCNTTCB (08/02/2017)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
31	Võ Thị	Vàng		1984	Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (22/11/2018)	Luật kinh tế	B1 (12/12/2018)	A (05/9/2014)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
32	Nguyễn Phí	Vy		1994	Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B1 (22/02/2018)	ƯDCNTTCB (15/9/2017)	01.003			Công tác lãnh sự	Sở Ngoại vụ	
III. Sở Giáo dục và Đào tạo																
1. Phòng Kế hoạch - Tài chính																
- Vị trí Kế toán: Đăng ký 04 hồ sơ, cần tuyển 02																
1	Huỳnh Ngọc	Vinh	1990		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (10/02/2014)	Kế toán	B (30/01/2012)	B (11/10/2011)	01.003			Kế toán	Sở Giáo dục và Đào tạo	
2	Tô Kiều	Oanh		1987	Cà Mau	Kinh	ĐH Kế toán (11/9/2015)	Kế toán tổng hợp	B (23/5/2013)	A (30/11/2006)	01.003			Kế toán	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Ngô Bích	Nguyên		1990	Vị Thủy - Hậu Giang	Kinh	ĐH Tài chính kế toán (05/4/2013)	Kế toán tổng hợp	B (27/7/2010)	B (20/11/2011)	01.003			Kế toán	Sở Giáo dục và Đào tạo	
4	Trần Hồng	Thắm		1990	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (29/10/2013)	Kế toán tổng hợp	B1 (29/11/2019)	B (03/11/2010)	01.003			Kế toán	Sở Giáo dục và Đào tạo	
IV. Sở Công Thương																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1. Phòng Quản lý công nghiệp																
- Vị trí Quản lý về khuyến công: Đăng ký 0 hồ sơ, cần tuyển 01																**Không có hồ sơ dự tuyển**
2. Phòng Quản lý thương mại																
- Vị trí Quản lý thương mại - dịch vụ: Đăng ký 24 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Phan Thị Tuyết	Trinh		1988	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ThS. Luật kinh tế (29/6/2018)	Luật kinh tế	C (29/4/2010)	B (10/11/2010)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
2	Lê Bạch	Đằng	1990		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (25/9/2019)	Luật kinh tế	B (02/10/2018)	ƯDCNTTCB (10/10/2019)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
3	Hà Thanh	Toàn	1987		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản trị kinh doanh (22/8/2014)	Quản trị kinh doanh	B (22/12/2014)	B (26/3/2012)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
4	Nguyễn Thanh	Tân	1994		Bình Thủy - Cần Thơ	Kinh	ĐH Luật kinh tế (30/12/2019)	Luật kinh tế	B (09/9/2017)	ƯDCNTTCB (18/12/2019)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
5	Ngô Diệu	Tâm		1997	Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (06/8/2019)	Đại học Luật kinh tế	B1 (02/10/2019)	ƯDCNTTCB (15/9/2017)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
6	Trần Tuấn	Anh	1992		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Khoa học xã hội (05/2015)	Quản trị kinh doanh	B1 (30/7/2018)	ƯDCNTTCB (25/10/2019)	01.003	Con thương binh	X	Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
7	Trần Như	Ý		1996	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (06/8/2019)	Luật kinh tế	Toeic 535 (18/10/2018)	UDCNTTCB (12/9/2017)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
8	Nguyễn Lê	Dinh	1990		Cai Lậy - Tiền Giang	Kinh	ĐH Quản trị kinh doanh (07/7/2012)	Kinh tế - Quản trị kinh doanh	B (22/8/2011)	B (14/12/2012)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
9	Lưu Thị	Giang		1996	Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (30/10/2018)	Luật kinh tế	B (07/7/2016)	B (05/5/2017)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
10	Danh Sóc Ni	Na	1990		Châu Thành - Kiên Giang	Khmer	ĐH Luật kinh tế (25/6/2014)	Luật kinh tế	B (22/11/2013)	B (17/12/2012)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
11	Hoàng Thị Minh	Thùy		1994	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	ĐH Quản trị kinh doanh (09/10/2015)	Quản trị kinh doanh	B (04/10/2016)	B (10/9/2015)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
12	Sử Thị Thúy	Ngân		1991	Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản trị kinh doanh (30/12/2016)	Quản trị kinh doanh	B (24/4/2015)	A (23/7/2016)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
13	Lưu Thanh	Hòa	1988		Gò Quao - Kiên Giang	Khmer	ĐH Quản trị kinh doanh (27/11/2012)	Quản trị kinh doanh	B (26/12/2012)	UDCNTTCB (07/12/2017)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
14	Trần Chính	Tam	1985		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản trị kinh doanh (30/3/2016)	Quản trị kinh doanh	B (19/10/2009)	B (01/3/2007)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
15	Phan Thúy	Huyền		1987	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (01/11/2019)	Luật kinh tế	CĐ tiếng Anh (01/11/2011)	B (14/4/2011)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
16	Trần Gia	Huy	1994		Rạch Giá - Kiên Giang	Khmer	ĐH Luật kinh tế (30/10/2018)	Luật kinh tế	B (18/01/2018)	B (05/5/2017)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
17	Lê Kiên	Cường	1984		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (03/11/2017)	Luật kinh tế	B1 (06/7/2018)	A (08/8/2006)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
18	Danh Thảo	Ly		1995	Rạch Giá - Kiên Giang	Khmer	ĐH Luật kinh tế (03/11/2017)	Luật kinh tế	B1 (09/01/2020)	B (05/9/2014)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
19	Trần Đức	Toàn	1992		Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	ThS. Quản trị kinh doanh (06/4/2018)	Quản trị kinh doanh	Toiec 455 (10/8/2017)	A (31/3/2014)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
20	Nguyễn Quốc	Anh	1989		Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản trị kinh doanh (26/3/2011); ThS. Quản trị kinh doanh (30/12/2016)	Quản trị kinh doanh	B (31/8/2011)	B (07/8/2012)	01.003		X	Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
21	Phạm Văn	Đức	1986		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (06/8/2015)	Luật kinh tế	B (25/7/2018)	A (16/7/2003)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
22	Nguyễn Nhân	Anh	1995		Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (08/8/2018)	Luật kinh tế	A2 (05/7/2018)	ƯDCNTTCB (09/3/2018)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
23	Lâm An	Ninh	1978		Chợ Mới - An Giang	Kinh	ThS. Quản trị kinh doanh (21/10/2017)	Quản trị kinh doanh	B (05/5/2002)	ĐH (10/9/2002)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
24	Đào Chí	Thịnh	1996		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (18/9/2018)	Luật kinh tế	A2 (15/10/2018)	B (16/9/2016)	01.003			Quản lý thương mại - dịch vụ	Sở Công Thương	
V. Sở Tài chính																
1. Văn phòng																
- Vị trí Hành chính tổng hợp: Đăng ký 14 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Thị Minh	Đáo		1990	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (12/3/2014)	Kế toán	B (14/11/2012)	A (03/11/2010)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
2	Nguyễn Thị Cẩm	Linh		1991	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (09/02/2015)	Kế toán	B (18/12/2012)	A (09/8/2012)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
3	Nguyễn Thị	Mai		1986	Thanh Hóa	Kinh	ĐH Kế toán (08/11/2016)	Kế toán	B (25/9/2014)	A (04/9/2009)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
4	Trương Ánh	Ngọc		1990	Chợ Mới - An Giang	Kinh	ĐH Kế toán (09/10/2015)	Kế toán	B (09/3/2011)	ƯDCNTTCB (18/02/2019)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
5	Nguyễn Anh	Phương		1991	Hưng Hà - Thái Bình	Kinh	ĐH Kế toán (28/11/2013)	Kế toán	B (06/11/2012)	A (01/9/2011)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
6	Bùi Đức	Tặng	1990		Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (14/8/2012)	Kế toán	B (22/8/2011)	B (24/02/2011)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
7	Nguyễn Phương	Thảo		1993	Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kinh tế (28/11/2018)	Kế toán - Kiểm toán	B1 (29/11/2017)	ƯDCNTTCB (12/4/2019)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
8	Huỳnh Thiện	Thơm		1989	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ThS. Kế toán (30/12/2016)	Kế toán	B (04/10/2013)	A (08/11/2010)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
9	Lê Minh	Thư		1992	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (28/10/2016)	Kế toán	B1 (22/8/2019)	A (26/10/2011)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
10	Nguyễn Thị Anh	Thư		1996	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (17/7/2019)	Kế toán	B (12/7/2018)	ƯDCNTTCB (31/7/2018)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
11	Lâm Bảo	Trung	1990		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ThS. Kế toán (04/4/2019)	Kế toán	B (24/7/2012)	B (11/10/2005)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
12	Nguyễn Quốc	Trung	1988		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (28/11/2012)	Kế toán	B (02/01/2014)	TC (09/11/2009)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
13	Nguyễn Quốc	Trung	1989		Chợ Mới - An Giang	Kinh	ĐH Kế toán (20/4/2018)	Kế toán	B (23/7/2014)	B (03/8/2010)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
14	Hồ Mỹ	Yến		1987	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (19/8/2014)	Kế toán	B (28/12/2012)	ƯDCNTTCB (12/11/2018)	01.003			Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	
2. Phòng Quản lý ngân sách																
- Vị trí Quản lý ngân sách: Đăng ký 25 hồ sơ, cần tuyển 01																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Trần Thùy	An		1989	Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính tín dụng (25/10/2011)	Tài chính tín dụng	B (30/7/2009)	B (26/3/2020)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
2	Nguyễn Đoàn Trinh	Anh		1993	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính ngân hàng (22/7/2015)	Tài chính ngân hàng	B (19/02/2013)	B (13/3/2013)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
3	Phạm Vân	Anh		1989	Ôn Môn - Cần Thơ	Kinh	ĐH Kinh tế (10/10/2011)	Tài chính ngân hàng	C (20/9/2011)	B (11/6/2016)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
4	Nguyễn Thị	Dương		1988	Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (04/6/2014)	Kế toán	A2 (07/9/2016)	B (14/9/2009)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
5	Chiêm Ngọc	Đức	1994		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính ngân hàng (22/7/2016)	Tài chính	B (26/01/2011)	B (08/12/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
6	Trần Thị Huyền	Em		1992	Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - ngân hàng (10/02/2015)	Tài chính ngân hàng	A2 (23/5/2019)	UDCNTTCB (12/12/2018)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
7	Phan Thị Cẩm	Hằng		1994	Tân Châu - An Giang	Kinh	ĐH Tài chính - ngân hàng (16/9/2016)	Tài chính	B (15/6/2016)	B (08/12/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
8	Ngô Thị	Kiều		1992	Nghệ An	Kinh	ĐH Kế toán (31/10/2018)	Kế toán	B (10/9/2014)	A (12/7/2014)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
9	Võ Mỹ	Linh		1990	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (12/9/2015)	Kế toán	Toeic 510 (12/12/2014)	B (20/3/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
10	Phạm Thành	Luân	1992		Nam Định	Kinh	ĐH Tài chính ngân hàng (13/11/2014)	Tài chính ngân hàng	B (29/8/2011)	B (08/12/2014)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
11	Viên Bích	Ngọc		1994	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính (17/6/2016)	Tài chính ngân hàng	Toeic 410 (27/4/2016)	B (14/9/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
12	Hà Lê Bảo	Ngọc		1996	Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kinh tế (15/11/2018)	Kế toán - Kiểm toán	B1 (03/12/2017)	ƯDCNTTCB (02/8/2018)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
13	Nguyễn Thị Kim	Nguyên		1994	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ThS. Tài chính ngân hàng (13/02/2020)	Tài chính ngân hàng	B1 (08/11/2018)	B (05/8/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
14	Trần Minh	Nhật	1990		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính ngân hàng (14/7/2016)	Tài chính ngân hàng	B (11/4/2016)	B (07/4/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
15	Phan Thị	Nhung		1992	Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (19/10/2017)	Tài chính - Ngân hàng	B (02/10/2013)	A (30/6/2016)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
16	Bùi Lil	Pin	1984		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (29/7/2010)	Kế toán	B (10/8/2012)	B (01/02/2012)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
17	Nguyễn Việt	Phương	1992		Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (01/11/2014)	Tài chính - Ngân hàng	B (12/10/2013)	B (22/4/2013)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
18	Trần Thị Bích	Tiền		1994	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (04/4/2018)	Kế toán	B (06/4/2015)	B (27/01/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
19	Nguyễn Đức	Toàn	1989		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (16/6/2017)	Kế toán	B (25/10/2013)	A (11/5/2015)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
20	Trần Thị	Tuyết		1991	Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (28/4/2016)	Tài chính - Ngân hàng	B (17/12/2011)	B (03/6/2012)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
21	Lê Yến	Thanh		1991	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính ngân hàng (11/9/2015)	Tài chính ngân hàng	B (10/8/2012)	B (08/10/2012)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
22	Nguyễn Đức	Thịnh	1989		Ngã Năm - Sóc Trăng	Kinh	ĐH Kế toán (14/8/2012)	Kế toán	B (27/9/2010)	B (24/02/2011)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
23	Nguyễn Thị Bích	Thủy		1993	Tân Hồng - Đồng Tháp	Kinh	ĐH Kiểm toán (10/8/2016)	Kiểm toán	B (12/8/2016)	A (20/01/2016)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
24	Lê Ngọc	Thúy		1990	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (14/8/2012)	Tài chính - Ngân hàng	B (16/7/2010)	B (20/02/2012)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
25	Võ Anh	Thư		1991	Cần Thơ	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (26/6/2012)	Tài chính - Ngân hàng	B (15/3/2013)	A (26/6/2012)	01.003			Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	
3. Phòng Tài chính Đầu tư																
- Vị trí Quản lý dự án đầu tư: Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Từ Bảo	Trân		1992	Sóc Trăng	Hoa	ThS. Tài chính (22/3/2018)	Phân tích tài chính	B (05/10/2006)	B (25/7/2014)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Hoa)	X	Quản lý dự án đầu tư	Sở Tài chính	
VI. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc																
1. Phòng Kế hoạch tổng hợp																
- Vị trí Quản lý quy hoạch và xây dựng: Đăng ký 03 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Thị	Thơm		1980	Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng cầu đường (11/6/2004)	Xây dựng cầu đường	ĐH Ngôn ngữ Anh (30/9/2016)	A (11/5/2015)	01.003		X	Quản lý quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	
2	Nguyễn Hồng	Cận	1981		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng cầu đường bộ (20/4/2009)	Xây dựng cầu đường bộ	B (09/3/2011)	B (26/5/2016)	01.003			Quản lý quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	
3	Trương Tấn	Khoa	1993		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng (15/02/2016)	Xây dựng cầu đường	B (09/12/2013)	A (15/4/2014)	01.003			Quản lý quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	
VII. Thành phố Rạch Giá																
1. Văn phòng HĐND-UBND																
- Vị trí Hành chính một cửa: Đăng ký 24 hồ sơ, cần tuyển 01																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Lê Thị Thanh	Thủy		1995	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B (24/4/2015)	ƯDCNTTCB (15/5/2018)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
2	Trương Huỳnh	Như		1994	U Minh Thượng - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B (23/8/2018)	ƯDCNTTCB (03/10/2017)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
3	Trịnh Hoài	Thơ		1993	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/9/2019)	Luật	B (28/5/2015)	ƯDCNTTCB (13/8/2019)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
4	Trương Giỏi	Em	1988		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (14/3/2016)	Luật	B (30/12/2013)	ƯDCNTTCB (03/11/2019)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
5	Nguyễn Phương	Trinh		1995	Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (27/5/2019)	Luật	B (12/10/2016)	A (24/6/2014)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
6	Nguyễn Hữu	Quyền	1997		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (12/01/2020)	Luật	B1 (29/8/2019)	ƯDCNTTCB (09/4/2019)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
7	Lê Quốc	Nhẫn	1996		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/01/2019)	Luật hành chính	B (07/5/2019)	ƯDCNTTCB (28/11/2018)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
8	Phạm Thị Út	Đẹp		1997	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/01/2019)	Luật tư pháp	B (05/3/2019)	ƯDCNTTCB (27/11/2017)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
9	Đoàn Mai	Trinh		1997	Hồng Ngự - Đồng Tháp	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật	B (05/11/2019)	ƯDCNTTCB (22/4/2019)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
10	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		1994	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (18/12/2019)	Luật	B1 (22/08/2019)	A (14/4/2011)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
11	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên		1997	Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/01/2019)	Luật hành chính	A2 (04/4/2019)	ƯDCNTTCB (27/11/2017)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
12	Ngô	Hao	1994		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Hoa	ĐH Luật (30/8/2016)	Luật quốc tế	Toeic 570 (21/02/2019)	ƯDCNTTCB (03/01/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Hoa)		Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
13	Lư Thị	Lan		1994	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (27/9/2017)	Luật	B (06/8/2015)	UDCNTTCB (05/12/2018)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
14	Lê Thanh	Gần	1991		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (04/4/2017)	Luật	B (15/02/2016)	UDCNTTCB (06/5/2016)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
15	Trương Hoàng	Vũ	1996		Mỹ Xuyên - Sóc Trăng	Kinh	ĐH Luật (15/7/2019)	Luật thương mại	B (05/10/2019)	UDCNTTCB (30/10/2019)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
16	Nguyễn Thị Hồng	Vân		1993	Chợ Gạo - Tiền Giang	Kinh	ĐH Luật (04/4/2017)	Luật	B (15/9/2015)	A (11/4/2016)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
17	Nguyễn Hồng	Cẩm		1992	Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (02/11/2015)	Luật	B (11/11/2015)	B (24/5/2013)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
18	Bùi Thị Mỹ	Loan		1996	An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (19/01/2018)	Luật	B1 (16/5/2017)	A (16/11/2016)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
19	Nguyễn Trường	Hải	1993		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (22/11/2016)	Luật	B (29/10/2013)	B (05/9/2014)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
20	Lê Kim	Thoang		1989	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (14/7/2016)	Luật	B (12/10/2016)	B (06/10/2016)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
21	Nguyễn Đức	Tuấn	1986		Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật	B (25/11/2013)	B (09/02/2015)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
22	Quách Bảo	Ngọc		1996	Châu Thành - Kiên Giang	Hoa	ĐH Luật (19/7/2018)	Luật	Toeic 270 (30/8/2019)	ƯDCNTTCB (01/8/2018)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Hoa)		Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi ngoại ngữ
23	Võ Thị	Nữ		1990	An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (27/9/2018)	Luật	B (19/12/2014)	B (04/10/2016)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	
24	Lê Thị	Phượng		1994	Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (15/02/2016)	Luật	B (15/5/2015)	A (12/8/2014)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Rạch Giá	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
VIII. Huyện Phú Quốc																
1. Văn phòng HĐND-UBND																
- Vị trí Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân: Đăng ký 08 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lộc Lý	Linh	1997		Đại Từ - Thái Nguyên	Tày	ĐH Luật thương mại (25/01/2019)	Luật thương mại	B (05/3/2019)	ƯDCNTTCB (22/01/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Tày)		Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
2	Nguyễn Tú	Anh		1989	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (27/11/2018)	Luật	B1 (09/5/2018)	A (17/8/2004)	01.003			Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	
3	Phạm Thị	Mến		1995	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B (21/11/2016)	ƯDCNTTCB (10/12/2018)	01.003			Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	
4	Phan Thị Kim	Giang		1997	Can Lộc - Hà Tĩnh	Kinh	ĐH Luật (28/6/2019)	Luật	Toeic 630 (27/10/2018)	ƯDCNTTCB (19/12/2019)	01.003			Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
5	Phạm Thị Phương	Thảo		1992	Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (30/7/2014)	Luật thương mại	B (24/9/2013)	B (02/9/2012)	01.003			Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	
6	Hoàng Văn	Thịnh	1993		Tuyên Quang	Tày	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật	B (10/4/2017)	ƯDCNTTCB (01/10/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Tày)		Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
7	Nguyễn Việt	Hằng		1983	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (15/8/2013)	Luật	B (22/8/2012)	A (11/7/2008)	01.003	Con thương binh		Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	
8	Đỗ Trí	Nghĩa	1986		Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (10/7/2017)	Luật kinh tế	B (16/8/2012)	B (16/3/2017)	01.003			Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	
- Vị trí Công nghệ thông tin: Đăng ký 03 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Thị Thu	Hoài		1984	Quảng Ninh - Quảng Bình	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (28/10/2009)	Công nghệ thông tin	B (23/8/2012)	ĐH (28/10/2009)	01.003	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH		Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Trương Tiến	Sĩ	1987		Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (30/01/2013)	Công nghệ thông tin	B (16/01/2015)	ĐH (30/01/2013)	01.003			Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	
3	Trịnh Bảo	Toàn	1990		Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Điện tử viễn thông (28/11/2014)	Kỹ thuật điện tử truyền thông	B (27/8/2014)	A (26/9/2014)	01.003			Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND - UBND huyện Phú Quốc	
2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội																
- Vị trí Phòng chống tệ nạn xã hội: Đăng ký 07 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Huỳnh Trọng	Nhân	1994		Chợ Mới - An Giang	Kinh	ĐH Luật (11/9/2018)	Luật	B (28/12/2019)	A (06/6/2014)	01.003			Phòng chống tệ nạn xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Quốc	
2	Hồ Thị	Loan		1989	Lộc Hà - Hà Tĩnh	Kinh	ĐH Luật (01/11/2019)	Luật kinh tế	B (30/01/2013)	B (24/9/2013)	01.003			Phòng chống tệ nạn xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Quốc	
3	Trần Võ Đức	Trọng	1997		Cà Mau	Kinh	ĐH Xã hội học (05/9/2019)	Xã hội học	Toeic 515 (29/5/2019)	ƯDCNTTCB (16/8/2019)	01.003			Phòng chống tệ nạn xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Quốc	

STT			Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
4	Hồ Thị Hoa	Hậu		1997	Bố Trạch - Quảng Bình	Kinh	ĐH Luật (18/6/2019)	Luật	B (04/5/2018)	ƯDCNTTCB (15/5/2019)	01.003			Phòng chống tệ nạn xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Quốc	
5	Nguyễn Thảo	Phương		1995	Việt Yên - Bắc Giang	Kinh	ĐH Luật (29/6/2017)	Luật	B1 (29/12/2017)	A (21/8/2017)	01.003			Phòng chống tệ nạn xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Quốc	
6	Bùi Thị Yến	Nhi		1993	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (29/7/2015)	Luật	B (27/5/2013)	B (30/3/2012)	01.003			Phòng chống tệ nạn xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Quốc	
7	Lương Phước	Đức	1982		Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (20/10/2016)	Luật kinh tế	B (16/8/2012)	B (25/3/2011)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Phòng chống tệ nạn xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Quốc	
3. Thanh tra huyện																
- Vị trí Giải quyết khiếu nại tố cáo: Đăng ký 13 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Trịnh Quang	Minh	1990		Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Kinh	ĐH Luật kinh tế (11/3/2016)	Luật kinh tế	B (19/10/2015)	A (19/10/2015)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Lê Thị Kiều	My		1994	Thạnh Trị - Sóc Trăng	Kinh	ĐH Luật hành chính (15/02/2016)	Luật hành chính	B (15/02/2016)	B (03/9/2015)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
3	Trịnh Thị Thu	Vân		1986	Bố Trạch - Quảng Bình	Kinh	ĐH Luật (30/9/2010)	Luật	B (06/10/2008)	B (14/12/2009)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
4	Nguyễn Văn Chí	Ngoan	1997		Kế Sách - Sóc Trăng	Kinh	ĐH Luật (25/01/2019)	Luật hành chính	B (30/12/2019)	ƯDCNTTCB (24/12/2019)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
5	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc		1990	Châu Thành - Sóc Trăng	Khmer	ĐH Luật hành chính (10/02/2015)	Luật hành chính	B (15/9/2014)	B (31/12/2012)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
6	Nguyễn Văn	Chựng	1987		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (28/10/2011)	Luật	B (09/5/2012)	A (02/3/2009)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
7	Nguyễn Minh Thức	Em	1996		Cao Lãnh - Đồng Tháp	Kinh	ĐH Luật hành chính (25/01/2019)	Luật hành chính	B (05/3/2019)	ƯDCNTTCB (22/01/2019)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
8	Danh Thành	Phát	1996		Gò Quao - Kiên Giang	Khmer	ĐH Luật (09/7/2018)	Luật	A2 (31/7/2019)	ƯDCNTTCB (02/8/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
9	Bành Hoàng	Anh	1989		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (24/10/2013)	Luật	B (23/7/2014)	B (20/9/2013); ƯDCNTTCB (13/5/2017)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
10	Trần Thanh	Hải	1996		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật hành chính (25/01/2019)	Luật hành chính	B (19/01/2019)	ƯDCNTTCB (20/6/2018)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
11	Nguyễn Thị Tú	Giang		1997	Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (06/8/2019)	Luật kinh tế	B1 (02/10/2019)	ƯDCNTTCB (12/9/2017)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
12	Hà Cao	Nghĩa	1994		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (29/6/2017)	Luật	B (09/10/2017)	ƯDCNTTCB (13/02/2020)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
13	Đinh Thị Hồng	Phước	1993		Hà Nội	Kinh	ĐH Luật kinh tế (01/11/2019)	Luật kinh tế	B (23/12/2014)	B (16/9/2014)	01.003			Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Phú Quốc	
4. Phòng Văn hóa và Thông tin																
- Vị trí Quản lý văn hóa thông tin: Đăng ký 0 hồ sơ, cần tuyển 01																**Không có hồ sơ**
5. Phòng Tài chính - Kế hoạch																
- Vị trí Quản lý Kế hoạch và Đầu tư: Đăng ký 10 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lê Thị Ngọc	Duyên		1990	Thạch Phú - Bến Tre	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (12/9/2014)	Tài chính - Ngân hàng	C (14/11/2019)	B (18/02/2009)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Đặng Diễm	My		1993	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (31/7/2015)	Kế toán	B (28/7/2015)	B (14/4/2015)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	
3	Đinh Xuân	Toại	1988		Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kinh tế (29/3/2011)	Đại học Kinh tế học	B1 (11/10/2019)	ƯDCNTTCB (15/3/2019)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	
4	Đinh Quang	Triều	1994		Hà Tĩnh	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (25/10/2018)	Tài chính - Ngân hàng	B (24/02/2015)	B (08/01/2016)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	
5	Phạm Văn	Đàm	1990		Kim Sơn - Ninh Bình	Kinh	ĐH Xây dựng dân dụng và công nghiệp (28/10/2013)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (23/01/2018)	ƯDCNTTCB (13/5/2019)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	
6	Phan Thành	Tiến	1986		Tam Bình - Vĩnh Long	Kinh	ĐH Xây dựng (01/11/2010)	Kỹ thuật xây dựng	B (23/11/2013)	A (05/5/2003)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	
7	Lê Cao	Sơn	1984		Phù Mỹ - Bình Định	Kinh	ĐH Kinh tế (25/11/2011)	Kinh tế - Kế toán kiểm toán	B (31/5/2013)	B (22/02/2006)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	
8	Nguyễn Anh	Nhân	1993		Yên Định - Thanh Hóa	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (20/7/2015)	Tài chính - Ngân hàng	B (05/8/2015)	B (22/6/2016)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
9	Trần Văn	Hiếu	1984		Lấp Vò - Đồng Tháp	Kinh	ĐH Kế toán (01/8/2008)	Kế toán	B (24/7/2012); Khmer (12/8/2011)	B (14/02/2019)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
10	Phạm Thị	Hiền		1987	Thành Chương - Nghệ An	Kinh	ĐH Kế toán (08/12/2014)	Kế toán doanh nghiệp	B (22/8/2012)	B (11/02/2010)	01.003			Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Quốc	
6. Phòng Kinh tế																
- Vị trí Quản lý về Khoa học công nghệ kiêm Quản lý về lâm nghiệp, theo dõi xây dựng nông thôn mới: Đăng ký 04 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lê Việt	Phương	1990		Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ThS. Nuôi trồng thủy sản (30/12/2015)	Nuôi trồng thủy sản	B1 (12/6/2014)	B (03/8/2010)	01.003			Quản lý về Khoa học công nghệ kiêm Quản lý về lâm nghiệp, theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Kinh tế huyện Phú Quốc	
2	Phạm Thị Phong	Lan		1990	Núi Thành - Quảng Nam	Kinh	ThS. Quản lý nguồn lợi thủy sản (11/11/2014)	Quản lý nguồn lợi thủy sản	B (01/8/2011)	B (10/7/2014)	01.003			Quản lý về Khoa học công nghệ kiêm Quản lý về lâm nghiệp, theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Kinh tế huyện Phú Quốc	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
3	Lê Hoàng	Quý	1988		Thốt Nốt - Cần Thơ	Kinh	ThS. Nuôi trồng thủy sản (11/11/2014)	Nuôi trồng thủy sản	B1 (20/6/2013)	ƯDCNTTCB (18/02/2019)	01.003			Quản lý về Khoa học công nghệ kiêm Quản lý về lâm nghiệp, theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Kinh tế huyện Phú Quốc	
4	Trần Quốc	Việt	1987		Cái Nước - Cà Mau	Kinh	ĐH Nuôi trồng thủy sản (02/10/2019)	Nuôi trồng thủy sản	B (12/11/2013)	B (13/11/2013)	01.003			Quản lý về Khoa học công nghệ kiêm Quản lý về lâm nghiệp, theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Kinh tế huyện Phú Quốc	
7. Phòng Nội vụ																
- Vị trí Quản lý tổ chức-biên chế và hội: Đăng ký 04 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Duy	Đầy	1988		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý nhà nước (13/8/2019)	Quản lý nhà nước	B (31/8/2012)	ƯDCNTTCB (19/9/2019)	01.003			Quản lý tổ chức-biên chế và hội	Phòng Nội vụ huyện Phú Quốc	
2	Nguyễn Hoàng	Tân	1994		Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý nhà nước (21/6/2017)	Quản lý tổ chức nhân sự	B (26/7/2017)	ƯDCNTTCB (25/7/2017)	01.003			Quản lý tổ chức-biên chế và hội	Phòng Nội vụ huyện Phú Quốc	
3	Nguyễn Phú	Hải	1996		Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	ĐH Quản lý nhà nước (29/6/2018)	Quản lý nhà nước	B2 (27/12/2017)	ƯDCNTTCB (25/4/2017)	01.003			Quản lý tổ chức-biên chế và hội	Phòng Nội vụ huyện Phú Quốc	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
4	Đặng Ngọc	Nguyên	1994		Thạnh Thành - Thanh Hóa	Mường	ĐH Quản lý nhà nước (12/7/2016)	Thanh tra	B (08/8/2016)	B (08/8/2016)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Mường)		Quản lý tổ chức-biên chế và hội	Phòng Nội vụ huyện Phú Quốc	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
IX. Huyện Kiên Hải																
1. Văn phòng HĐND-UBND																
- Vị trí Công nghệ thông tin: Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Chí	Tạo	1983		U Minh - Cà Mau	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (22/4/2011)	Công nghệ thông tin	B (12/11/2009)	ĐH (22/4/2011)	01.003			Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND - UBND huyện Kiên Hải	
2. Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường																
- Vị trí Quản lý đất đai kiêm Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; Quản lý môi trường: Đăng ký 04 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Đồng Văn	An	1988		Vụ Bản - Nam Định	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (20/3/2012)	Quản lý đất đai	B (26/8/2011)	B (10/5/2011)	01.003			Quản lý đất đai kiêm Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; Quản lý môi trường	Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải	

STT		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Nguyễn Thị Ngọc Lạn		1990	Cái Bè - Tiền Giang	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (20/3/2013)	Quản lý đất đai	B (17/01/2011)	B (30/9/2010)	01.003			Quản lý đất đai kiêm Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; Quản lý môi trường	Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải	
3	Lê Nhật Tân	1995		Kiên Hải - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (05/9/2017)	Quản lý đất đai	B (09/9/2016)	B (09/9/2016)	01.003			Quản lý đất đai kiêm Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; Quản lý môi trường	Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải	
4	Phù Quốc Toàn	1996		Kiên Lương	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (13/6/2018)	Quản lý đất đai	B1 (27/8/2018)	ƯDCNTTCB (07/7/2018)	01.003			Quản lý đất đai kiêm Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản; Quản lý môi trường	Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải	
3. Phòng Tài chính - Kế hoạch															
- Vị trí Quản lý Tài chính - Ngân sách: Đăng ký 04 hồ sơ, cần tuyển 01															
1	Phạm Kim Anh		1995	Quỳnh Phụ - Thái Bình	Kinh	ĐH Kế toán (05/12/2017)	Kế toán	B (04/9/2015)	B (29/8/2016)	01.003			Quản lý Tài chính - Ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kiên Hải	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Nguyễn Phúc	Hậu		1995	Kiên Hải - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (14/11/2018)	Kế toán	B (28/7/2015)	UDCNTTCB (21/5/2018)	01.003			Quản lý Tài chính - Ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kiên Hải	
3	Trần Trung	Hiếu	1994		Kiên Hải - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (19/12/2016)	Kế toán	B (28/02/2016)	B (10/11/2014)	01.003			Quản lý Tài chính - Ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kiên Hải	
4	Ngô Thị	Vân		1994	Nghệ An	Kinh	ĐH Kế toán (08/8/2019)	Kế toán	B (02/10/2016)	B (16/7/2015)	01.003			Quản lý Tài chính - Ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kiên Hải	
4. Phòng Văn hóa và Thông tin																
- Vị trí Quản lý văn hóa thông tin cơ sở kiêm quản lý văn hóa và gia đình; quản lý TDTT và Du lịch; quản lý thông tin - truyền thông: Đăng ký 05 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Dạ	Lý		1996	Hải Phòng	Kinh	ĐH Luật (11/4/2019)	Luật	B (18/10/2016)	UDCNTTCB (16/4/2019)	01.003			Quản lý văn hóa thông tin cơ sở kiêm quản lý văn hóa và gia đình; quản lý TDTT và Du lịch; quản lý TTTT	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải	
2	Nguyễn Thị Kim	Quyên		1996	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/01/2019)	Luật hành chính	B (28/12/2018)	A (23/6/2016)	01.003			Quản lý văn hóa thông tin cơ sở kiêm quản lý văn hóa và gia đình; quản lý TDTT và Du lịch; quản lý TTTT	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
3	Trần Thị Mai	Thảo		1992	An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (27/9/2017)	Luật	B (13/5/2016)	UDCNTTCB (12/4/2019)	01.003			Quản lý văn hóa thông tin cơ sở kiêm quản lý văn hóa và gia đình; quản lý TDTT và Du lịch; quản lý TTTT	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải	
4	Trần Thị Mỹ	Trân		1997	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Việt Nam học (25/01/2019)	Hướng dẫn viên du lịch	B2 (17/11/2017)	A (09/5/2016)	01.003			Quản lý văn hóa thông tin cơ sở kiêm quản lý văn hóa và gia đình; quản lý TDTT và Du lịch; quản lý TTTT	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải	
5	Nguyễn Minh	Phương	1991		Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (04/4/2017)	Luật	B (12/10/2016)	UDCNTTCB (19/9/2017)	01.003			Quản lý văn hóa thông tin cơ sở kiêm quản lý văn hóa và gia đình; quản lý TDTT và Du lịch; quản lý TTTT	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải	
X. Huyện Vĩnh Thuận																
1. Văn phòng HĐND - UBND																
- Vị trí Văn thư - lưu trữ: Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01																

STT		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Lê Thị Ngọc Trân		1993	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Lưu trữ và Quản trị văn phòng (22/8/2017)	LTQ Kiên Giang 2012	B (04/9/2015)	ƯDCNTTCB (15/10/2019)	01.003			Văn thư - lưu trữ	Văn phòng HĐND - UBND huyện Vĩnh Thuận	
XI. Huyện An Biên															
1. Phòng Tài nguyên và Môi trường															
- Vị trí Quản lý môi trường: Đăng ký 03 hồ sơ, cần tuyển 01															
1	Lâm Hoàng Tuấn	1994		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý tài nguyên môi trường (15/02/2016)	Quản lý tài nguyên môi trường	B (30/12/2015)	A (06/5/2016)	01.003			Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Biên	
2	Nguyễn Kiều Anh		1995	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý môi trường (08/3/2018)	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B (03/02/2017)	B (27/3/2017)	01.003			Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Biên	
3	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh		1994	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường (15/02/2016)	Quản lý tài nguyên và môi trường	C (01/3/2016)	B (27/10/2014)	01.003			Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Biên	
2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng															

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
- Vị trí Quản lý xây dựng: Đăng ký 10 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Võ Công	Đoàn	1984		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (22/4/2019)	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B (10/8/2019)	A (14/12/2012)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
2	Đỗ Thị Ngọc	Trúc		1991	Vũng Liêm - Vĩnh Long	Kinh	ĐH Xây dựng (19/10/2013)	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B (10/9/2012)	A (07/4/2011)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
3	Nguyễn Trọng	Tín	1992		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (13/11/2014)	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B (29/9/2015)	A (26/4/2009)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
4	Huỳnh Minh	Kết	1984		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (22/6/2011)	Xây dựng cầu đường	B (24/7/2013)	A (24/7/2013)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
5	Võ Văn Thẩm	Em	1994		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng (08/4/2019)	Kỹ thuật công trình xây dựng	B (06/12/2016)	ƯDCNTTCB (24/10/2017)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
6	Hứa Minh	Sang	1988		Châu Thành - Kiên Giang	Khmer	ĐH Xây dựng (02/4/2013)	Kỹ thuật xây dựng	B (17/02/2012)	ƯDCNTTCB (16/4/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
7	Nguyễn Văn	Dũ	1979		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (20/3/2012)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (26/01/2010)	A (26/4/2010)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
8	Nguyễn Khởi	Phong	1987		U Minh - Cà Mau	Kinh	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng (20/3/2013)	Xây dựng công trình thủy	B (27/01/2015)	UDCNTTCB (10/01/2020)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
9	Nguyễn Văn	Luôn	1991		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (06/4/2015)	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B (04/9/2015)	A (14/9/2007)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
10	Đào Hiền	Bi	1993		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (22/7/2016)	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B (11/5/2015)	B (20/11/2016)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Biên	
XII. Huyện Kiên Lương																
1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội																
- Vị trí Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững: Đăng ký 08 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Thị	Hà		1991	Bố Trạch - Quảng Bình	Kinh	ĐH Kế toán (10/6/2013)	Kế toán	B (20/6/2013)	B (20/6/2013)	01.004			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Lưu Thị	Giang		1996	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	ĐH Luật kinh tế (30/10/2018)	Luật kinh tế	B (11/11/2015)	B (05/5/2017)	01.004			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	
3	Thị Ngọc	Nhiều		1998	Hòn Đất - Kiên Giang	Khmer	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật hành chính	B1 (09/10/2019)	ƯDCNTTCB (20/10/2017)	01.004	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
4	Nguyễn Tân	Xuyên	1986		Kế Sách - Sóc Trăng	Kinh	ĐH Luật (16/8/2018)	Luật	B (24/7/2012)	B (01/12/2016)	01.004			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	
5	Phan Thị Cà	Phương		1995	Cà Mau	Kinh	ĐH Luật (19/01/2018)	Luật hành chính	A (29/12/2017)	A (29/3/2016)	01.004			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	
6	Trần Thị Mê	Ly		1990	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (10/02/2014)	Kế toán tổng hợp	B (13/11/2014)	A (29/3/2010)	01.004			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
7	Nguyễn Thúy An	Thi		1996	An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật kinh tế (08/8/2018)	Luật kinh tế	A2 (28/8/2018)	ƯDCNTTCB (15/9/2017)	01.004			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	
8	Khưu Vĩnh	Phát	1996		Sóc Trăng	Kinh	CĐ Dịch vụ pháp lý (22/9/2017)	Pháp luật	A (26/3/2018)	A (28/02/2017)	01.004			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kiên Lương	
2. Phòng Tài nguyên và Môi trường																
- Vị trí Quản lý về môi trường khoáng sản - tài nguyên nước: Đăng ký 06 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Đoàn Thị Yến	Nhi		1993	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ kỹ thuật môi trường (24/8/2015)	Công nghệ môi trường	C (06/10/2014)	A (15/01/2014)	01.003			Quản lý về môi trường khoáng sản - tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Lương	
2	Phạm Văn	Út	1996		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường (19/01/2018)	Quản lý tài nguyên và môi trường	B2 (17/11/2017)	ƯDCNTTCB (10/4/2018)	01.003			Quản lý về môi trường khoáng sản - tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Lương	
3	Đinh Đức	Tài	1996		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kỹ thuật Môi trường (30/8/2018)	Kỹ thuật Môi trường	B (05/02/2018)	Tin học ứng dụng (22/9/2017)	01.003			Quản lý về môi trường khoáng sản - tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Lương	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
4	Châu Thị	Lý		1989	Kiên Lương - Kiên Giang	Khmer	ĐH Quản lý môi trường (15/10/2013)	Quản lý môi trường	B (28/11/2012)	A (06/01/2014)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý về môi trường khoáng sản - tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Lương	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
5	Dương Hải	Yến		1996	Vĩnh Long	Kinh	ĐH Quản lý tài nguyên môi trường (29/08/2018)	Quản lý tài nguyên môi trường	A2 (13/12/2017)	B (16/9/2016)	01.003			Quản lý về môi trường khoáng sản - tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Lương	
6	Lâm Hoàng	Tuấn	1994		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường (15/02/2016)	Quản lý tài nguyên và môi trường	B (30/12/2015)	A (06/5/2016)	01.003			Quản lý về môi trường khoáng sản - tài nguyên nước	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Lương	
3. Phòng Quản lý đô thị																
Vị trí Quản lý xây dựng: Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lê Xuân	Thái	1988		Kiên Lương - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kiến trúc (26/3/2018)	Kiến trúc công trình	B (15/12/2016)	A (02/3/2010)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Quản lý đô thị huyện Kiên Lương	
2	Nguyễn Quốc	Huy	1983		Thoại Sơn - An Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (14/10/2019)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B1 (20/3/2019)	ƯDCNTTCB (24/4/2017)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Quản lý đô thị huyện Kiên Lương	
4. Phòng Kinh tế																

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
- Vị trí Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật) kiêm Quản lý về thủy lợi (đê điều phòng chống lụt bão): Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01															
1	Nguyễn Huỳnh Hải Hưng	1989		Kiên Lương - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kỹ thuật điện (20/9/2012)	Kỹ thuật điện	B (24/11/2012)	A (23/12/2003)	01.003			Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật) kiêm Quản lý về thủy lợi (đê điều phòng chống lụt bão)	Phòng Kinh tế huyện Kiên Lương	
XIII. Huyện Giồng Riềng															
1. Văn phòng HĐND-UBND															
- Vị trí Hành chính tổng hợp: Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01															
1	Nguyễn Thành Nghiệp	1996		Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý nhà nước (hành chính học) (29/6/2018)	Quản lý nhà nước	B (20/7/2018)	ƯDCNTTCB (05/10/2017)	01.003			Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND - UBND huyện Giồng Riềng	
2	Trần Tuấn Lộc	1995		Ngọc Hiển - Cà Mau	Kinh	ĐH Quản lý nhà nước (29/6/2018)	Quản lý công	B (14/6/2017)	B (11/5/2017)	01.003			Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND - UBND huyện Giồng Riềng	
- Vị trí Hành chính một cửa: Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01															

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Quách Bảo	Ngọc		1997	Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý nhà nước (14/8/2019)	Quản lý nhà nước (Hành chính học)	B (19/11/2018)	ƯDCNTTCB (07/11/2018)	01.003			Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND - UBND huyện Giồng Riềng	
2. Phòng Tài chính - Kế hoạch																
- Vị trí Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân: Đăng ký 05 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Trần Thu	Hồng		1984	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (30/12/2016)	Kế toán	B (02/02/2007)	A (04/3/2004)	01.003			Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Giồng Riềng	
2	Thị Mỹ	Ngọc		1989	Gò Quao - Kiên Giang	Khmer	ĐH Kế toán (27/9/2011)	Kế toán	B1 (29/9/2017)	B (03/11/2010)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Giồng Riềng	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
3	Võ Thị Tuyết	Phương		1985	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (09/02/2015)	Kế toán	B (01/02/2013)	A (05/10/2010)	01.003			Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Giồng Riềng	
4	Huỳnh Thị Thúy	Anh		1990	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (18/12/2015)	Kế toán	B (05/10/2015)	B (07/8/2012)	01.003			Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Giồng Riềng	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
5	Lê Trần Ngọc	Tân		1985	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (31/3/2014)	Kế toán	B (12/11/2013)	A (26/9/2005)	01.003			Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Giồng Riềng	
3. Phòng Tài nguyên và Môi trường																
- Vị trí Quản lý đất đai: Đăng ký 09 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Trần Thị	Nhung		1993	Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (15/02/2016)	Quản lý đất đai	B (12/5/2016)	B (02/01/2014)	01.003			Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	
2	Phạm Văn	Ngoãn	1988		Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (11/5/2015)	Quản lý đất đai	B (24/8/2014)	A (12/10/2011)	01.003			Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	
3	Nguyễn Văn	Hải	1990		Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (11/4/2019)	Quản lý đất đai	B (06/5/2016)	ƯDCNTTCB (19/9/2019)	01.003			Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	
4	Lý Minh	Trí	1989		Kiên Giang	Khmer	ĐH Quản lý đất đai (29/12/2017)	Quản lý đất đai	B (16/5/2014)	A (12/9/2005)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
5	Danh	Thắng	1990		Gò Quao - Kiên Giang	Khmer	ĐH Quản lý đất đai (20/01/2017)	Quản lý đất đai	B (01/6/2017)	A (10/7/2014)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
6	Nguyễn Tấn	Hưng	1990		Hồng Ngự - Đồng Tháp	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (18/11/2015)	Quản lý đất đai	B (26/10/216)	A (24/5/2013)	01.003			Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	
7	Nguyễn Thoại	Mỹ		1994	Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (15/02/2016)	Quản lý đất đai	B (27/5/2016)	B (10/7/2014)	01.003			Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	
8	Nguyễn Chí	Ân	1990		Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý đất đai (11/5/2015)	Quản lý đất đai	B (24/8/2014)	A (06/10/2008)	01.003			Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	
9	Thạch	Nhi	1995		Mỹ Xuyên - Sóc Trăng	Khmer	ĐH Quản lý đất đai (30/10/2018)	Quản lý đất đai	B (02/10/2018)	B (05/5/2017)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giồng Riềng	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
4. Thanh tra huyện																

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
- Vị trí Thanh tra: Đăng ký 11 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lý Thị Ngọc	Điều		1993	Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (10/02/2015)	Tài chính - Ngân hàng	B2 (19/6/2018)	B (04/3/2013)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
2	Đỗ Thị Bích	Như		1994	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (22/7/2016)	Kế toán	B (17/02/2014)	B (14/10/2013	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
3	Nguyễn Thị Bích	Trăm		1992	Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (25/8/2016)	Tài chính - Ngân hàng	B (15/10/2012)	B (25/10/2011)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
4	Trần Văn	Tưởng	1991		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính (28/11/2013)	Tài chính - Ngân hàng	B1 (28/11/2019)	ƯDCNTTCB (30/3/2018)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
5	Danh	Điền	1992		Hòn Đất - Kiên Giang	Khmer	ĐH Tài chính - Ngân hàng (11/9/2015)	Tài chính - Ngân hàng	B (19/9/2013)	A (14/12/2012)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
6	Cao Văn	Hải	1992		Ô Môn - Cần Thơ	Kinh	ĐH Kế toán (15/4/2015)	Kế toán	B (22/4/2013)	B (26/9/2013)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
7	Cao Văn	Hoài	1992		Ô Môn - Cần Thơ	Kinh	ĐH Kế toán (25/9/2014)	Kế toán	B (22/4/2013)	B (26/9/2013)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
8	Lê Thị	Nhanh		1987	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (30/10/2012)	Kế toán	B (25/8/2009)	A (08/9/2010)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
9	Hồ Bảo	Trọng	1998		Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (10/02/2020)	Tài chính - Ngân hàng	B (29/11/2019)	ƯDCNTTCB (13/8/2019)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
10	Nguyễn Hoài	Bảo	1991		Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (22/7/2015)	Tài chính - Ngân hàng	B1 (10/02/2017)	B (05/9/2006)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
11	Quách Thị Sơn	Anh		1988	Kiên Hải - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (19/9/2014)	Kế toán tổng hợp	B (10/8/2012)	B (14/12/2009)	01.003			Thanh tra	Thanh tra huyện Giồng Riềng	
5. Phòng Văn hóa - Thông tin																
Vị trí Quản lý thông tin - Truyền thông: Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Danh	Huỳnh	1996		Châu Thành - Kiên Giang	Khmer	ĐH Hành chính (14/8/2019)	Thanh tra	B (17/5/2019)	ƯDCNTTCB (08/10/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý thông tin - Truyền thông	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Giồng Riềng	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng																
- Vị trí Quản lý xây dựng: Đăng ký 05 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lý Khánh	Tường	1990		Kiên Giang	Kinh	ĐH Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (12/02/2015)	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B (10/4/2014)	B (27/3/2014)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Giồng Riềng	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2	Lâm Hữu	Lộc	1988		Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng cầu đường (20/9/2011)	Xây dựng cầu đường	B (29/10/2009)	B (04/5/2009)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Giồng Riềng	
3	Huỳnh Hoàng	Việt	1986		Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (06/7/2010)	Đại học Xây dựng	B (24/7/2012)	A (24/7/2012)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Giồng Riềng	
4	Trần Thị Kim	The		1996	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng (07/10/2019)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (06/12/2016)	ƯDCNTTCB (28/11/2018)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Giồng Riềng	
5	Nguyễn Văn	Liệt	1986		Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng dân dụng và công nghiệp (22/11/2012)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (29/10/2009)	B (04/5/2009)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Giồng Riềng	
XIV. Thành phố Hà Tiên																
1. Văn phòng HĐND-UBND																
- Vị trí Hành chính tổng hợp: Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên		1992	Châu Đốc - An Giang	Kinh	ThS. Công nghệ sinh học (20/10/2014)	Công nghệ sinh học	B1 (19/9/2017)	ƯDCNTTCB (09/9/2019)	01.003			Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	

STT		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
- Vị trí Công nghệ thông tin (kiêm Hành chính một cửa; Kiểm soát thủ tục hành chính; Tiếp nhận xử lý đơn thư; Quản trị công sở): Đăng ký 05 hồ sơ, cần tuyển 01															
1	Trần Thanh Sang	1987		Kế Sách - Sóc Trăng	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (16/01/2013)	Công nghệ thông tin	B (30/7/2009)	ĐH (16/01/2013)	01.003			Công nghệ thông tin kiêm Hành chính một cửa; Kiểm soát thủ tục hành chính; Tiếp nhận xử lý đơn thư; Quản trị công sở	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	
2	Tạ Trọng Nhân	1996		Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Hệ thống thông tin (25/01/2019)	Hệ thống thông tin	B1 (19/9/2017)	ĐH (25/01/2019)	01.003			Công nghệ thông tin kiêm Hành chính một cửa; Kiểm soát thủ tục hành chính; Tiếp nhận xử lý đơn thư; Quản trị công sở	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	
3	Nguyễn Thị Huyền Trang		1991	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (22/10/2015)	Công nghệ thông tin	B (06/02/2016)	ĐH (22/10/2015)	01.003			Công nghệ thông tin kiêm Hành chính một cửa; Kiểm soát thủ tục hành chính; Tiếp nhận xử lý đơn thư; Quản trị công sở	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
4	Trương Hữu Bắc	Đầu	1993		U Minh - Cà Mau	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (05/7/2019)	Kỹ thuật máy tính	B (31/7/2019)	ĐH (05/7/2019)	01.003			Công nghệ thông tin kiêm Hành chính một cửa; Kiểm soát thủ tục hành chính; Tiếp nhận xử lý đơn thư; Quản trị công sở	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	
5	Đặng Thanh	Thiện	1989		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (05/11/2015)	Công nghệ thông tin	B (26/10/2015)	ĐH (05/11/2015)	01.003			Công nghệ thông tin kiêm Hành chính một cửa; Kiểm soát thủ tục hành chính; Tiếp nhận xử lý đơn thư; Quản trị công sở	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	
- Vị trí Quản lý an toàn thực phẩm (kiêm Quản lý dược, mỹ phẩm; Quản lý dân số kế hoạch hóa gia đình): Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lê Quốc	Việt	1986		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ThS. Công nghệ thực phẩm (29/6/2016)	Công nghệ thực phẩm	B2 (09/9/2015)	A (07/7/2010)	01.003			Quản lý an toàn thực phẩm (kiêm Quản lý dược, mỹ phẩm; Quản lý dân số kế hoạch hóa gia đình)	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	
2	Tôn	Quyền	1991		Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ThS. Công nghệ thực phẩm (01/11/2016)	Công nghệ thực phẩm	B (25/10/2012)	B (24/12/2013)	01.003			Quản lý an toàn thực phẩm (kiêm Quản lý dược, mỹ phẩm; Quản lý dân số kế hoạch hóa gia đình)	Văn phòng HĐND - UBND thành phố Hà Tiên	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội																
- Vị trí Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội): Đăng ký 08 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Chiêu Quốc	Phụng	1982		Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý xã hội (28/6/2018)	Quản lý xã hội	B (19/8/2016); Khmer (04/9/2009)	B (11/4/2009)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
2	Huỳnh Phương	Thúy		1997	Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật tư pháp	B (28/12/2018)	ƯDCNTTCB (24/3/2018)	01.003	Con thương binh		Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	
3	Huỳnh Thị Mai	Thanh		1996	Giang Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (01/10/2018)	Luật kinh tế	B (26/4/2017)	ƯDCNTTCB (30/01/2018)	01.003			Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	
4	Nguyễn Thị Trường	An		1997	Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý nhà nước (14/8/2019)	Quản lý công	A2 (02/10/2019)	ƯDCNTTCB (04/5/2018)	01.003			Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
5	Huỳnh Thế Vinh	1990		Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (18/3/2015)	Luật kinh tế	B (28/02/2012)	B (14/12/2012)	01.003			Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	
6	Lâm Nguyễn Huyền Trân		1990	Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (05/4/2013)	Luật	C (01/8/2011)	A (15/10/2010)	01.003			Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	
7	Trương Thị Phượng		1994	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam (22/7/2016)	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	B (16/9/2015)	B (29/02/2016)	01.003			Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	
8	Vũ Thị Mai		1989	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	ĐH Công tác xã hội - Phát triển cộng đồng (14/6/2011)	Công tác xã hội - Phát triển cộng đồng	B (06/12/2010)	A (20/01/2011)	01.003			Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề (kiêm phòng, chống tệ nạn xã hội)	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Tiên	
3. Phòng Quản lý đô thị															
- Vị trí Quản lý xây dựng: Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01															

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Lê Anh	Tài	1992		Hà Tiên - Kiên Giang	Hoa	ĐH Xây dựng (31/3/2017)	Đại học Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (31/12/2019)	A (28/01/2008)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Hoa)		Quản lý xây dựng	Phòng Quản lý đô thị thành phố Hà Tiên	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
2	Tiền Bình	Sơn	1980		Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng dân dụng và công nghiệp (17/10/2006)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (26/4/2012)	A (24/01/2007)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Quản lý đô thị thành phố Hà Tiên	
XV. Huyện U Minh Thượng																
1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																
- Vị trí Quản lý thủy sản kiêm quản lý tài nguyên nước, khoáng sản: Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Quốc	Thái	1988		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Bệnh học thủy sản (30/7/2014)	Bệnh học thủy sản	B (28/5/2014)	A (02/01/2014)	01.003			Quản lý thủy sản kiêm quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Tiên	
2	Nguyễn Thị	Hội		1990	Đắk Lắk	Kinh	ThS. Thủy sản (06/9/2018)	Nuôi trồng thủy sản	B1 (17/10/2017)	B (31/12/2010)	01.003			Quản lý thủy sản kiêm quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Tiên	
2. Phòng Tài nguyên và Môi trường																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
Vị trí Quản lý môi trường kiêm quản lý về an toàn nông sản: Đăng ký 05 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Huỳnh Hữu	Huân	1995		Long An	Kinh	ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường (12/4/2018)	Quản lý môi trường	Toeic 430 (15/3/2018)	ƯDCNTTCB (05/12/2018)	01.003			Quản lý môi trường kiêm quản lý về an toàn nông sản	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Tiên	
2	Nguyễn Thành	Công	1983		Phú Quốc - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kỹ thuật môi trường (09/10/2007)	Kỹ thuật môi trường	B (09/01/2009)	A (16/7/2003)	01.003			Quản lý môi trường kiêm quản lý về an toàn nông sản	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Tiên	
3	Dương Thiên	Lý	1988		Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Khoa học môi trường (02/01/2013)	Khoa học môi trường	B (24/3/2010)	A (19/8/2014)	01.003	Con thương binh		Quản lý môi trường kiêm quản lý về an toàn nông sản	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Tiên	
4	Từ Ngô Huyền	Thoại		1995	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Quản lý tài nguyên, môi trường (30/10/2018)	Quản lý tài nguyên, môi trường	B (18/01/2018)	B (11/11/2018)	01.003			Quản lý môi trường kiêm quản lý về an toàn nông sản	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Tiên	
5	Thị Bích	Tuyền		1993	U Minh Thượng - Kiên Giang	Khmer	ĐH Khoa học môi trường (10/7/2017)	Khoa học môi trường	B1 (14/10/2017)	ƯDCNTTCB (09/4/2018)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý môi trường kiêm quản lý về an toàn nông sản	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Tiên	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
XVI. Huyện Hòn Đất																

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1. Văn phòng HĐND - UBND																
- Vị trí Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư: Đăng ký 10 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lê Anh	Thư		1991	Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B (25/6/2015)	ƯDCNTTCB (18/9/2018)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
2	Nguyễn Đức	Tuấn	1986		Tân Hiệp - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật	B (09/02/2015)	B (25/11/2013)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
3	Trần Viết	Dinh	1990		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (20/9/2018)	Luật hành chính	B (10/02/2012)	A (10/6/2009)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
4	Nguyễn Trọng	Ninh	1994		Phước Long - Bạc Liêu	Kinh	ĐH Giáo dục chính trị (10/9/2018)	Giáo dục chính trị	B1 (21/7/2018)	ƯDCNTTCB (22/7/2018)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
5	Huỳnh Trọng	Nghĩa	1995		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/01/2019)	Luật tư pháp	B (10/7/2017)	A (12/8/2011)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
6	Nguyễn Thị Mỹ	Hương		1996	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (08/8/2018)	Luật kinh tế	Toeic 455 (19/10/2017)	B (22/9/2015)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
7	Âu Văn	Tàu	1986		Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (25/6/2014)	Luật kinh tế	B (24/7/2012); Khmer (13/5/2016)	A (25/10/2013)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
8	Nguyễn Vĩnh	Tiến	1997		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Chính trị học (15/7/2019)	Chính trị học	A2 (01/11/2019)	ƯDCNTTCB (06/6/2019)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
9	Nhan Văn	Được	1988		Châu Thành - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (04/4/2017)	Luật	B (25/11/2013)	ƯDCNTTCB (10/4/2018)	01.003	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự		Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
10	Nguyễn Diễm	Thúy		1996	Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (19/01/2018)	Luật	B (16/10/2017)	ƯDCNTTCB (15/9/2017)	01.003			Tiếp công dân kiêm tiếp nhận và xử lý đơn thư	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
- Vị trí Văn thư: Đăng ký 0 hồ sơ, cần tuyển 01																**Không có hồ sơ dự tuyển**
- Vị trí Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế: Đăng ký 08 hồ sơ, cần tuyển 01																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Thị	Thương		1997	Hòn Đất - Kiên Giang	Khmer	ĐH Y tế Công cộng (12/7/2019)	Y tế Công cộng	B1 (22/5/2019)	UDCNTTCB (25/3/2019)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Khmer)		Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
2	Trịnh Thị Thu	Liễu		1990	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ thực phẩm (19/10/2013)	Công nghệ thực phẩm	B (09/5/2013)	A (04/12/2010)	01.003			Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
3	Lưu Thị	Xuyến		1994	Thanh Liêm - Hà Nam	Kinh	ĐH Điều dưỡng (10/02/2020)	Điều dưỡng	B (27/01/2015)	A (28/11/2013)	01.003			Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
4	Hình Á	Tiên		1996	Rạch Giá - Kiên Giang	Hoa	ĐH Luật (25/9/2019)	Luật kinh tế	B (03/9/2019)	B (11/01/2017)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Hoa)		Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ

STT		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
5	Nguyễn Thị Hồng Mơ		1995	Long Mỹ - Hậu Giang	Kinh	ĐH Y tế công cộng (02/7/2019)	Y tế công cộng	A2 (01/11/2019)	ƯDCNTTCB (04/4/2019)	01.003			Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
6	Nguyễn Thị Kim Tuyến		1993	Thốt Nốt - Cần Thơ	Kinh	ĐH Công nghệ thực phẩm (20/09/2014); ThS. Nông nghiệp (12/6/2017)	Công nghệ thực phẩm	B (04/5/2014)	A (04/11/2013)	01.003		X	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
7	Đinh Thị Ánh Tuyết		1995	Nam Định	Kinh	ĐH Công nghệ thực phẩm (24/4/2019)	Công nghệ thực phẩm	Toeic 540 (24/01/2019)	ƯDCNTTCB (01/11/2017)	01.003			Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
8	Phan Thiên Phương		1986	Chợ Mới - An Giang	Kinh	ĐH Dược học (06/3/2019)	Dược sĩ	B (11/01/2010)	A (01/02/2005)	01.003			Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kiêm Quản lý dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Quản lý bảo hiểm y tế	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
- Vị trí Thủ quỹ: Đăng ký 03 hồ sơ, cần tuyển 01															

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Dương Thị	Thơ		1989	Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (04/6/2014)	Kế toán	B (19/4/2010)	B (08/11/2010)	01.003			Thủ quỹ	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
2	Ngô Văn	Định		1988	Nông Cống - Thanh Hóa	Kinh	ĐH Kế toán (25/12/2013)	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	B (25/5/2011)	B (25/5/2013)	01.003			Thủ quỹ	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
3	Tô Thị Ngân	Giang		1984	Rạch Giá - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (04/6/2014)	Kế toán	B1 (15/10/2019)	ƯDCNTTCB (15/10/2019)	01.003			Thủ quỹ	Văn phòng HĐND - UBND huyện Hòn Đất	
2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội																
- Vị trí Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ: Đăng ký 11 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	La Hoài	Thương	1994		Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (11/4/2019)	Luật	B (08/12/2015)	ƯDCNTTCB (15/5/2018)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
2	Phạm Thị Thương	Huyền		1985	Kiên Lương - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (22/10/2015)	Luật	B (05/11/2015)	A (27/10/2006)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
3	Lê Hà	Như	1993		Thọ Xuân - Thanh Hóa	Kinh	ĐH Luật (20/4/2018)	Luật	B (25/02/2017)	B (04/11/2014)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
4	Đinh Thị Mỹ	Ngọc		1993	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (29/10/2018)	Kế toán	B2 (22/02/2018)	ƯDCNTTCB (25/7/2018)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
5	Âu Thị	Phượng		1993	Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (04/4/2017)	Luật	B (15/01/2014)	ƯDCNTTCB (02/8/2019)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
6	Đoàn Mai	Trinh		1997	Hồng Ngự - Đồng Tháp	Kinh	ĐH Luật (10/02/2020)	Luật	B (05/11/2019)	ƯDCNTTCB (22/4/2019)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
7	Nguyễn Thị Kim	Vui		1993	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (29/6/2017)	Luật	B (22/10/2015)	B (07/10/2016)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
8	Mai Hồng	Ngọc		1997	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Luật (15/7/2019)	Luật tư pháp	B (28/12/2018)	ƯDCNTTCB (22/4/2019)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
9	Phan Kim	Phụng		1987	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (19/10/2010)	Công nghệ thông tin	B (26/8/2009)	ĐH (19/10/2010)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
10	Văn Thị	Kha		1985	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ thông tin (09/9/2009)	Mạng máy tính	B (17/4/2017)	ĐH (09/9/2009)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
11	Nguyễn Thị	Kiều		1989	Hòn Đất - Kiên Giang	Kinh	ĐH Tài chính - Ngân hàng (15/4/2015)	Tài chính	B (28/5/2012)	A (10/5/2011)	01.003			Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững kiêm thủ quỹ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hòn Đất	
XVII. Huyện An Minh																
1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội																
- Vị trí Kế toán: Đăng ký 06 hồ sơ, cần tuyển 01																

STT	Họ và đệm	Tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1	Ngô Thị Thùy	Nhiên		1992	Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (20/4/2018)	Kế toán	B (02/01/2014)	A (22/4/2013)	01.003			Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện An Minh	
2	Nguyễn Văn	Đinh	1991		An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (29/7/2013)	Kế toán	B (22/01/2013)	B (30/5/2012)	01.003			Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện An Minh	
3	Đoàn Thị Bảo	Ngọc		1993	An Biên - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (30/11/2017)	Kế toán	B1 (10/8/2018)	A (19/9/2013)	01.003			Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện An Minh	
4	Võ Minh	Tâm	1990		Thới Bình - Cà Mau	Kinh	ĐH Kế toán (04/4/2018)	Kế toán	B (22/7/2014)	B (02/5/2013)	01.003			Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện An Minh	
5	Nguyễn Thị	Phường		1985	An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (25/10/2019)	Kế toán tổng hợp	B (18/5/2012)	A (07/4/2003)	01.003			Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện An Minh	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
6	Phạm Quế	Anh		1995	An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Kế toán (31/7/2018)	Kế toán - Kiểm toán	Toeic 470 (16/6/2017)	ƯDCNTTCB (12/11/2018)	01.003			Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện An Minh	
2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng																
- Vị trí Quản lý giao thông vận tải: Đăng ký 02 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Lê Công Anh	Tuấn	1993		Triệu Phong - Quảng Trị	Kinh	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng (19/01/2018)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (14/01/2020)	ƯDCNTTCB (02/3/2020)	01.003	Con thương binh hạng 4/4		Quản lý giao thông vận tải	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Minh	
2	Huỳnh Thanh	Tài	1996		Châu Thành - Kiên Giang	Hoa	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng (07/10/2019)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (26/10/2016)	A (29/12/2014)	01.003	Người dân tộc thiểu số (Hoa)		Quản lý giao thông vận tải	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Minh	Đang xin ý kiến Bộ Nội vụ việc miễn thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh), trước mắt thí sinh vẫn ôn thi môn ngoại ngữ
- Vị trí Quản lý xây dựng: Đăng ký 01 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Nguyễn Hoài	Thuận	1996		An Minh - Kiên Giang	Kinh	ĐH Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (31/10/2018)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B (20/12/2016)	B (02/12/2015)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện An Minh	
XVIII. Huyện Gò Quao																

STT	Họ và tên		Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Trình độ				Ngạch dự thi	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Miễn thi Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị phân công công tác khi tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học						
1. Phòng Kinh tế - Hạ tầng																
- Vị trí Quản lý xây dựng: Đăng ký 05 hồ sơ, cần tuyển 01																
1	Võ Thị Thanh	Xuân		1991	Mỹ Xuyên - Sóc Trăng	Kinh	ĐH Xây dựng (10/12/2012)	Xây dựng công trình	B (30/12/2009)	B (06/8/2010)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Gò Quao	
2	Trần Quốc	Tuấn	1991		Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (05/02/2018)	Kỹ thuật công trình xây dựng	B1 (06/11/2017)	A (30/01/2013)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Gò Quao	
3	Trần Hoàn	Thành	1990		Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (30/10/2015)	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B (25/02/2017)	A (12/11/2015)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Gò Quao	
4	Nguyễn Thanh	Tâm	1997		Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng (15/8/2019)	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	A2 (05/6/2019)	A (05/9/2018)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Gò Quao	
5	Trần Quốc	Toàn	1985		Kiên Giang	Kinh	ĐH Xây dựng và dân dụng (10/11/2014)	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B1 (22/01/2018)	A (16/10/2009)	01.003			Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Gò Quao	